

## Quy hoạch lưới trạm KTTV trong 15 năm qua (1977-1992)

KS. ĐỖ VĂN QUYẾT

Viện Khí tượng Thủy văn

Quy hoạch lưới trạm khí tượng thủy văn (KTTV) là một trong những công tác quan trọng của ngành Khí tượng Thủy văn nhằm góp phần giữ vững, củng cố và phát triển mạng lưới quan trắc KTTV, nâng cao hiệu quả của việc đầu tư nhân lực, vật tư cho lưới trạm KTTV, không ngừng hoàn thiện chất lượng của mọi công việc nghiên cứu và nghiệp vụ KTTV, thiết thực phục vụ sản xuất, đời sống và quốc phòng.

Viện Khí tượng Thủy văn được thành lập từ năm 1977 đến nay đã được 15 năm. Một trong năm nhiệm vụ của Viện KTTV được giao là: "Nghiên cứu thiết kế mạng lưới trạm khí tượng thủy văn cơ bản trong cả nước."

Từ năm 1976 trở về trước, mạng lưới trạm thủy văn, kể cả bốc hơi trên hồ do Cục Thủy văn - Bộ Thủy lợi quản lý; mạng lưới trạm khí tượng, khí tượng nông nghiệp, khí tượng cao không, khí tượng hải văn, do mưa do Nha Khí tượng quản lý. Sau khi sáp nhập ngành năm 1976, mạng lưới trạm nói chung do Tổng Cục KTTV quản lý. Trong 15 năm qua (1977 - 1992), với chức năng nhiệm vụ được giao, Viện KTTV đã tiến hành các bước về công tác quy hoạch lưới trạm KTTV như sau:

- Năm 1977, đã thống kê lại toàn bộ lưới trạm đang hoạt động, từ năm 1987 trở về trước lưới trạm được xác định gồm có:

+ 305 trạm thủy văn cấp 1 và cấp 2, trong đó 142 trạm đo lưu lượng và 163 trạm đo mực nước;

+ 198 trạm khí tượng và khí hậu;

+ 35 trạm khí tượng nông nghiệp cơ bản và phổ thông;

+ 20 trạm đo bốc hơi trên hồ;

+ 18 trạm khí tượng hải văn;

+ 13 trạm khí tượng cao không.

Từ năm 1977 đến 1987 do yêu cầu công tác cũng như xuất phát từ tình hình thực tế đã cho thành lập thêm một số trạm và giải thể một số trạm. Năm 1985, việc quy hoạch lưới trạm được nghiên cứu theo đề tài và năm 1987, Tổng cục KTTV đã ban hành quy hoạch lưới trạm KTTV cơ bản. Việc quy hoạch lưới trạm KTTV cơ bản năm 1987 được xác định theo từng loại và trong các loại có phân hạng, không phân cấp như trước. Cụ thể như sau:

Lưới trạm KTTV được chia thành 5 loại căn cứ vào bản chất vật lý của đối tượng quan trắc, vào nội dung, trang thiết bị quan trắc và mục đích thu thập số liệu. Năm loại trạm đó là:

1. Trạm khí tượng bề mặt;

2. Trạm khí tượng cao không;

3. Trạm khí tượng nông nghiệp;

4. Trạm hải văn;

5. Trạm thủy văn.

Các trạm ra-da thời tiết được xếp vào loại trạm khí tượng cao không. Lưới trạm đo mưa chủ yếu được xác định trong quy hoạch lưới trạm này.

Mỗi loại trạm được chia thành nhiều hạng, căn cứ vào trang thiết bị và nhiệm vụ quan trắc vào nhiệm vụ phát báo thông tin, vào thời gian quan trắc và vai trò của trạm trong quá trình nghiên cứu đặc tính thống kê của từng yếu tố KTTV và trong công tác quản lý số liệu.

#### 1. Loại trạm khí tượng bề mặt có 172 trạm

+ Mạng I có 62 trạm, quan trắc tất cả các yếu tố khí tượng kể cả quan trắc bức xạ nếu cần để phát báo 4-8obs/ngày; dự kiến quan trắc lâu dài.

+ Mạng II có 24 trạm, quan trắc hầu hết các yếu tố khí tượng trừ khí áp và nhiệt độ ở lớp đất sâu, phát báo 4-8obs/ngày; dự kiến quan trắc lâu dài.

+ Mạng III có 86 trạm, quan trắc hầu hết các yếu tố khí tượng trừ khí áp và nhiệt độ ở lớp đất sâu; không phát báo obs, không có chỉ định cụ thể về thời gian duy trì quan trắc.

#### 2. Loại trạm khí tượng cao không gồm 13 trạm

+ Mạng I có 5 trạm vô tuyến thám không: quan trắc áp suất, nhiệt độ, gió và ẩm trên cao 1-2 obs/ngày,

+ Mạng II có 5 trạm đo gió trên cao 1-2 obs/ngày và 3 trạm ra-da thời tiết.

#### 3. Loại trạm khí tượng nông nghiệp gồm 40 trạm

+ Mạng I có 2 trạm khí tượng nông nghiệp thực nghiệm nghiên cứu và thực nghiệm về các vấn đề khí tượng nông nghiệp.

+ Mạng II có 20 trạm khí tượng nông nghiệp cơ bản, quan trắc thu thập số liệu phục vụ công tác nghiên cứu khí tượng nông nghiệp ở Trung ương và địa phương.

+ Mạng III có 18 trạm khí tượng nông nghiệp phổ thông, quan trắc và thu thập số liệu khí tượng nông nghiệp hỗ trợ cho trạm khí tượng nông nghiệp cơ bản, phục vụ khí tượng nông nghiệp cho cơ sở đặt trạm.

#### 4. Loại trạm hải văn gồm 20 trạm, không phân hạng

#### 5. Loại trạm thủy văn gồm 255 trạm

+ Mạng I có 32 trạm quan trắc đầy đủ các yếu tố thủy văn, duy trì quan trắc lâu dài.

+ Mạng II có 58 trạm quan trắc tương đối đầy đủ các yếu tố thủy văn, duy trì quan trắc tương đối lâu dài.

+ Mạng III có 163 trạm quan trắc mực nước và một số yếu tố thủy văn, không chỉ định cụ thể về thời gian quan trắc, chủ yếu phục vụ một đối tượng hoặc một chuyên đề nghiên cứu về thủy văn.

+ Trạm đo bốc hơi mặt nước 1

+ Trạm thực nghiệm hồ chứa 1

#### 6. Loại trạm đo mưa

Theo số liệu thống kê năm 1980 trở về trước có 1266 trạm đo mưa, trong đó 169 trạm đo tại các trạm khí tượng và 178 trạm đo tại các trạm thủy văn. Năm 1981, Viện KTTV đã trình Tổng cục KTTV Lưới quy hoạch lưới trạm đo mưa tạm thời, dùng cho năm 1981 - 1985, đã giải thể 123 trạm thành lập thêm 11 trạm, số trạm còn lại là 1154. Loại trạm đo mưa cũng được chia thành 4 hạng như sau:

- Hạng I là các trạm nằm trong các trạm khí tượng và thủy văn hạng I, có điện báo mưa.
- Hạng II là các trạm nằm trong các trạm khí tượng và thủy văn hạng II, có điện báo mưa.
- Hạng III là các trạm không nằm trong mạng lưới KTTV nhưng có điện báo mưa.
- Hạng IV là các trạm không nằm trong mạng lưới trạm KTTV chỉ quan trắc đo mưa mà không điện báo mưa.

Năm 1991 Tổng cục đã ban hành quy hoạch lưới trạm đo mưa cơ bản toàn quốc gồm 765 trạm đo mưa cơ bản, trong đó trạm khí tượng đo là 172, trạm thủy văn đo là 209, ngoài ngành đo là 1. Ngoài ra còn 397 trạm thuộc loại chuyên dùng do địa phương quản lý. So với qui hoạch cũ, đã tiến thêm một bước là không phân hạng mà chỉ xác định có 2 loại là cơ bản và chuyên dùng.

Quy hoạch lưới trạm KTTV cơ bản ra đời là một cơ sở pháp lý để hàng năm xây dựng kế hoạch của ngành và quy định chỉ tiêu cho KTTV. Tuy nhiên, hàng năm có điều chỉnh lưới trạm cho phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước, song qua một thời gian thực hiện có vấn đề cần bàn luận nghiên cứu thêm như:

- Trạm lưu lượng trên các lưu vực sông lớn, các trạm đo bốc hơi mặt nước;
  - Trạm khí tượng nông nghiệp và yêu cầu của phát triển nông nghiệp của đất nước;
  - Trạm khí tượng và đo mưa và yêu cầu của từng địa phương;
  - Trạm hải văn cần được xác định thêm cho rõ ràng;
  - Trạm khí tượng cao không cần phải được củng cố và tăng cường phù hợp với thực tế.
- Tóm lại, dựa trên các quy hoạch mạng lưới trạm KTTV đã ban hành cần xem xét việc vận dụng quy hoạch lưới trạm đã phù hợp chưa và xem xét các kiến nghị của địa phương.

Một số trạm có thể kết hợp với nhau trong mạng lưới chung.

Việc phân định lại ranh giới hành chính các tỉnh cũng có nhiều liên quan đến lưới trạm KTTV, cho nên cần xem xét và phân mạng lưới cho các tỉnh để kịp thời thực hiện công tác phục vụ địa phương.